ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ II – Đề số 9

Môn: Toán - Lớp 6

Bộ sách Kết nối tri thức

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Mục tiêu

- Ôn tập các kiến thức giữa kì 2 của chương trình sách giáo khoa Toán 6 – Kết nối tri thức.

- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Toán học.

- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải các kiến thức giữa kì 2 – chương trình Toán 6.

Phần trắc nghiệm (3 điểm)

Câu 1 (NB): Phân số nghịch đảo của phân số $\frac{1}{3}$ là

A. 3. **B.** $-\frac{1}{3}$. **C.** -3. **D.** 1.

Câu 2 (TH): Khẳng định nào sau đây đúng?

A. $-\frac{2}{7}>\frac{1}{7}$. **B.** $\frac{2}{7}<\frac{1}{7}$. **C.** $\frac{2}{7}=-\frac{1}{7}$. **D.** $\frac{2}{7}>\frac{1}{7}$.

Câu 3 (TH): Cho $\frac{3}{4}x=1\frac{2}{3}$. Kết quả giá trị x là:

A. $\frac{20}{9}$. **B.** $\frac{5}{4}$. **C.** $\frac{29}{12}$. **D.** $\frac{11}{12}$.

Câu 4 (TH): Cho a, b, m là các số nguyên, m khác 0. Tổng $\frac{a}{m}+\frac{b}{m}$ bằng

A. $\frac{a+b}{m+m}$. **B.** $\frac{a+b}{m.m}$. **C.** $\frac{a+b}{m}$. **D.** $a+b$.

Câu 5 (NB): Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta một số thập phân âm?

A. $2,37$. **B.** $\frac{2}{3}$. **C.** $1\frac{5}{26}$. **D.** $-3,25$.

Câu 6 (NB): Số đối của số thập phân -3,7 là:

A. -3,7. **B.** 3,7. **C.** -7,3. **D.** 7,3.

Câu 7 (NB): Làm tròn số 12,643 đến hàng đơn vị ta được số

A. 12,6. **B.** 13. **C.** 12. **D.** 12,64.

Câu 8 (TH): Tỉ số phần trăm của 1 và 4 là

A. 75%. **B.** 50%. **C.** 25%. **D.** 14%.

Câu 9 (NB): Cho hình vẽ: Điểm thuộc đường thẳng d là:

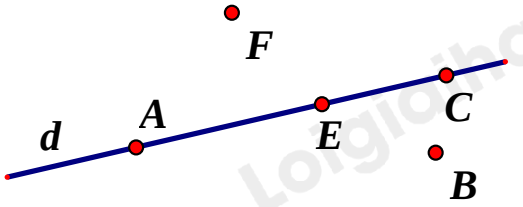

A. Điểm E và B. **B.** Điểm C và F. **C.** Điểm F và B. **D.** Điểm A, E và C.

Câu 10 (NB): Cho hình vẽ, chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau:

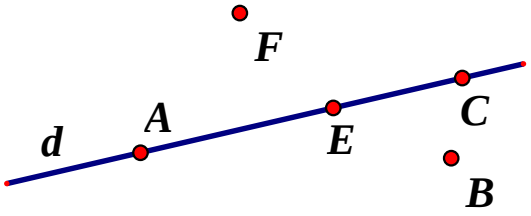

A. Ba điểm A, F, E thẳng hàng. **B.** Ba điểm A, B, C thẳng hàng.

C. Ba điểm A, E, C thẳng hàng. **D.** Ba điểm E, B, C thẳng hàng.

Câu 11 (NB): Hình nào sau đây vẽ đoạn thẳng AB?

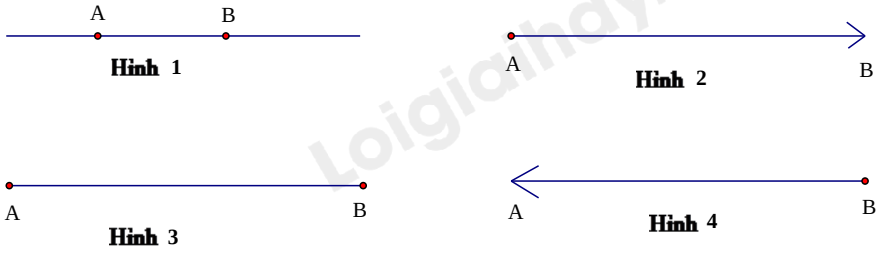

A. Hình 2. **B.** Hình 3. **C.** Hình 4. **D.** Hình 1.

Câu 12 (TH): Cho I là trung điểm của đoạn thẳng AB. Biết $AB = 10cm$, số đo của đoạn thẳng IB là

A. 4cm. **B.** 5cm. **C.** 6cm. **D.** 20cm.

Phần tự luận (7 điểm)

Bài 1 (TH). (2 điểm) Thực hiện các phép tính sau *(tính hợp lý nếu có thể)*.

a) $\frac{-2}{11}+\frac{-9}{11}$ b) $\frac{1}{2}-\frac{-3}{4}$ c) $\frac{12}{11}-\frac{-7}{19}+\frac{12}{19}$ d) $\frac{-5}{7}\cdot\frac{2}{11}+\frac{-5}{7}\cdot\frac{9}{11}+\frac{5}{7}$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2 (VD). (1 điểm) Tìm x, biết:

a) $2,5+x=3,75$ b) $6,72-x=(-12,6)+6,3$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3 (VD). (1,5 điểm) Lớp 6A có 42 học sinh xếp loại kết quả học tập trong học kỳ I bao gồm ba loại: Tốt, khá và đạt. Số học sinh tốt chiếm $\frac{1}{7}$ số học sinh cả lớp, số học sinh khá bằng $\frac{2}{3}$ số học sinh còn lại.

a) Tính số học sinh mỗi loại của lớp?

b) Tính tỉ số phần trăm của số học sinh tốt và khá so với số học sinh cả lớp?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4 (VD). (2 điểm) Trên tia Bx lấy hai điểm A và C sao cho BA = 2cm , BC = 3cm

a) Trong ba điểm C, A, B điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Tính AC?

b) Trên tia đối của tia Bx lấy điểm O sao cho BO = BC = 3cm. B có phải là trung điểm của OC không? Vì sao?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5 (VDC). (0,5 điểm) Tính $S=\left(1-\frac{1}{2^2}\right)\left(1-\frac{1}{3^2}\right)\left(1-\frac{1}{4^2}\right)\left(1-\frac{1}{5^2}\right)\left(1-\frac{1}{6^2}\right)...\left(1-\frac{1}{99^2}\right)$.

.....

.....

.....

.....

.....

-------- Hết --------